

Số 06 /2008/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 02 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính  
theo cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Thông tư số 01/2004/TTLB/BXD-BNV ngày 16-01-2004 của Liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn, giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương,

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 134/TTr-SNV ngày 21 tháng 01 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu.

Bản Quy định này gồm: 04 chương, 25 điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 339/QĐ-UB ngày 01/7/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu về việc phê duyệt đề án cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa” của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (đề t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Xây dựng (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KT Văn bản);
- T.trựcTU, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/cáo);
- UBMTTQ VN tỉnh ;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp; Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT;
- TT Công báo tỉnh; Lưu VT, TH.

v/.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Sanh**

## QUY ĐỊNH

**Việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính  
theo cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**  
(ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2008/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng

Cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng là cơ chế giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân, bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Xây dựng, từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### Điều 2. Các nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa

1. Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật;
2. Công khai các thủ tục hành chính, mức thu phí, lệ phí, giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân;
3. Nhận yêu cầu và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả;
4. Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân;
5. Đảm bảo sự phối hợp giải quyết công việc giữa các bộ phận, cơ quan hành chính nhà nước để giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.

#### Điều 3. Phạm vi áp dụng cơ chế một cửa

Thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết các công việc liên quan trực tiếp tới tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Xây dựng (bao gồm các lĩnh vực: Quản lý kiến trúc Quy hoạch, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý phát triển nhà ở và công trình xây dựng).

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Các thủ tục hành chính thực hiện một cửa tại Sở Xây dựng

1. Lĩnh vực Kiến trúc- Quy hoạch:

a) Cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh (theo ủy quyền của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu);

b) Thỏa thuận địa điểm;

c) Xác nhận vị trí đủ điều kiện kinh doanh xăng, dầu;

d) Xác nhận vị trí đủ điều kiện kinh doanh lò giết, mổ gia súc;

e) Cung cấp thông tin về quy hoạch;

f) Cho ý kiến về chủ trương dự án đầu tư;

g) Cho ý kiến thỏa thuận đối với các đồ án QH chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung, trước khi UBND cấp huyện phê duyệt;

h) Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch;

i) Thẩm định đồ án quy hoạch;

k) Thẩm định nhiệm vụ thiết kế, kiến trúc công trình (đối với những công trình phải tổ chức thi tuyển).

2. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng:

a) Thẩm định thiết kế cơ sở;

b) Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán (đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn Ngân sách của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo Nghị định số 52/CP của Chính phủ);

c) Thẩm định về cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt nam;

d) Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

e) Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư hoạt động xây dựng;

f) Cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng;

g) Cấp giấy chứng nhận hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

h) Cấp giấy chứng nhận đăng ký văn phòng điều hành cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt nam

3. Lĩnh vực quản lý, phát triển nhà ở và công trình xây dựng:

a) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với tổ chức;

b) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng cho các tổ chức;

**Điều 5. Cơ sở pháp lý để thực hiện các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa**

- Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

- Luật Nhà ở ngày 29/11/2005;

- Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quản lý quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2005/NĐ-CP; Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/2/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2005/NĐ-CP và Nghị định 112/2006/NĐ-CP;

- Nghị định số 29/2007/NĐ-CP ngày 27/2/2007 của Chính phủ về quản lý kiến trúc;

- Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/200/NĐ-CP ngày 05/5/2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

- Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Thông tư số 05/2006/TT-BXD ngày 01/11/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 90/2006/NĐ-CP;

- Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về việc bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê;

- Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình; Thông tư số 13/2005/TT-BXD ngày 05/8/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 95/2005/TT-BXD;

- Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch;

- Thông tư số 05/2005/TT-BXD ngày 12/4/2005 của Bộ Xây dựng về thi tuyển kiến trúc;

- Thông tư số 14/1999/TT-BTM ngày 07/7/1999 của Bộ Thương mại hướng dẫn điều kiện kinh doanh xăng dầu;

- Thông tư số 05/2004/TT-BXD ngày 15/9/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục và quản lý thực hiện cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt nam;

- Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư;

- Thông tư số 43/2003/TT-BTC ngày 10/5/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình xây dựng;

- Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt nam;

- Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành kèm theo định mức chi phí quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BXD ngày 18/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về -việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

- Quyết định số 15/2005/QĐ-BXD ngày 25/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 640/2006/QĐ-UBND ngày 02/3/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu ban hành về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình trên địa bàn tỉnh BR-VT;

- Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu ban hành về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở trên địa bàn tỉnh BR-VT;

- Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu ban hành Quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu;

- Quyết định số 26/2007/QĐ-UBND ngày 19/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định của Luật Xây dựng;

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH, THỦ TỤC, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ; PHÍ, LỆ PHÍ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI SỞ XÂY DỰNG**

### **Điều 6. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy phép xây dựng công trình**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng các công trình không thuộc diện phải thẩm định thiết kế cơ sở:

- Đơn xin cấp giấy phép xây dựng (*theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005 của Chính phủ*), trường hợp xin cấp giấy phép xây dựng tạm có thời hạn thì trong đơn xin cấp giấy phép xây dựng còn phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng;

- Bản sao một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai có chứng thực;

- Bản vẽ thiết kế thể hiện được vị trí mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình; mặt bằng móng của công trình; sơ đồ vị trí hoặc tuyến công trình; sơ đồ hệ thống và điểm đầu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình sửa chữa, cải tạo yêu cầu phải có giấy phép xây dựng).

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng các công trình thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đã có thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định:

Chủ đầu tư có thể xin giấy phép xây dựng cho một công trình, một lần cho nhiều công trình hoặc một lần cho tất cả các công trình thuộc dự án. Hồ sơ gồm có:

- Đơn xin cấp giấy phép xây dựng (*theo mẫu quy định*);
- Bản sao có chứng thực giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở các công trình mà chủ đầu tư xin giấy phép xây dựng,

3. Thời gian giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc

4. Lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng/hồ sơ.

#### **Điều 7. Quy trình, thủ tục, giải quyết hồ sơ Thỏa thuận địa điểm**

1. Hồ sơ gồm có:

- a) Tờ trình đề nghị thoả thuận điểm;
- b) Sơ đồ vị trí khu đất;
- c) Các văn bản pháp lý liên quan (Văn bản chấp thuận về chủ trương ...).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ tại Sở Xây dựng: 18 ngày làm việc

3. Lệ phí: Không thu.

#### **Điều 8. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận vị trí đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu**

1. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị xác nhận
- b) Sơ đồ vị trí khu đất.
- c) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất (bản sao có chứng thực)
- d) Văn bản chấp thuận về chủ trương của UBND tỉnh.
- e) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f) Các văn bản pháp lý liên quan khác (nếu có).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc

3. Lệ phí: Không thu

#### **Điều 9. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận vị trí đủ điều kiện kinh doanh lò giết, mổ gia súc**

1. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị xác nhận;
- b) Sơ đồ vị trí khu đất;
- c) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất (bản sao có chứng thực);

- d) Các văn bản pháp lý liên quan (nếu có).
- 2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc
- 3. Lệ phí: Không thu.

**Điều 10. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ cung cấp thông tin về quy hoạch**

- 1. Hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản đề nghị cung cấp thông tin;
  - b) Sơ đồ vị trí khu đất;
  - c) Các văn bản pháp lý liên quan (nếu có).
- 2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc
- 3. Lệ phí: Không thu.

**Điều 11. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ ý kiến về chủ trương dự án đầu tư**

- 1. Hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
  - b) Sơ đồ vị trí khu đất;
  - c) Các văn bản pháp lý liên quan (nếu có).
- 2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 7 ngày làm việc
- 3. Lệ phí: không thu phí

**Điều 12. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ ý kiến thỏa thuận đối với các đồ án quy hoạch chi tiết 1/500, các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung trước khi ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt**

- 1. Hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản đề nghị có ý kiến của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc của chủ đầu tư;
  - b) Hồ sơ phương án thiết kế quy hoạch .
- 2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 20 ngày làm việc
- 3. Lệ phí: Không thu.

**Điều 13. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ thẩm định nhiệm vụ quy hoạch (Nhiệm vụ quy hoạch vùng, nhiệm vụ quy hoạch chung, nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng):**

- 1. Hồ sơ trình duyệt gồm có:
  - a) Tờ trình của chủ đầu tư.
  - b) Bản nhiệm vụ quy hoạch (bao gồm: bản thuyết minh, các phụ lục tính toán, các bản vẽ in màu, đĩa CD kèm theo);

- c) Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).
2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc
3. Lệ phí: Không thu.

**Điều 14. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ thẩm định đồ án quy hoạch**

1. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

a) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của chủ đầu tư;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch gồm:

+ 01 đĩa CD (*Lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ*);

+ Bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng, tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000.

+ Bản đồ hiện trạng tổng hợp gồm sử dụng đất, hệ thống cơ sở kinh tế, hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật vùng; đánh giá tổng hợp đất xây dựng, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, du lịch; các khu vực bảo vệ di sản, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hoá; các khu vực cấm xây dựng và các khu dự trữ phát triển, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000.

+ Bản đồ định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000.

+ Bản thuyết minh đồ án.

- Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có);

b) Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc

c) Phí thẩm định: Theo quy định tại quyết định 06/2005/QĐ-BXD của Bộ XD.

2. Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị (*Quy hoạch chung xây dựng các đô thị loại 3, loại 4, loại 5 và các đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại 3, loại 4, loại 5; các khu chức năng khác ngoài đô thị có quy mô lớn hơn 500 ha*);

a) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của chủ đầu tư;

- Hồ sơ đồ án quy hoạch gồm:

+ 01 đĩa CD (*Lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ*);

+ Sơ đồ vị trí và mối quan hệ vùng tỷ lệ 1/50.000 - 1/250.000;

+ Các bản đồ hiện trạng phục vụ cho việc thiết kế quy hoạch chung xây dựng đô thị; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Các bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Bản đồ chỉ giới đường đỏ các trục đường chính, cốt không chế xây dựng đô thị; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật các tuyến đường xây dựng mới; tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000;

+ Bản vẽ khai triển mặt bằng, mặt đứng các khu trung tâm, quảng trường chính có bản vẽ phối cảnh minh họa;

+ Bản vẽ khai triển mặt bằng, mặt đứng các tuyến phố chính có bản vẽ phối cảnh minh họa;

+ Tuỳ theo điều kiện cụ thể của từng đô thị, lập mô hình các khu chức năng hoặc toàn đô thị theo tỷ lệ thích hợp;

+ Bản thuyết minh đồ án.

- Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có);

\* Riêng đối với đô thị loại 5, các bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch được lập trên tỷ lệ 1/2.000.

b) Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc

c) Phí thẩm định: Theo quy định tại quyết định 06/2005/QĐ-BXD của Bộ XD.

3. Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (*Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng của đô thị loại 2, loại 3; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và tỷ lệ 1/500 đối với các khu vực có phạm vi lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính từ hai huyện trở lên; các khu chức năng khác ngoài đô thị - khu du lịch, khu di sản, bảo tồn di tích, khu công nghiệp địa phương, ... có quy mô nhỏ hơn 500 ha; các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao, khu kinh tế có chức năng đặc biệt; các khu chức năng thuộc đô thị mới; các khu chức năng trong đô thị mới liên tỉnh có phạm vi lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính của tỉnh*),

a) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình của chủ đầu tư;

- Đồ án quy hoạch gồm:

+ 01 đĩa CD (*Lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ*);

+ Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất; tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

+ Các bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đánh giá quỹ đất xây dựng;

+ Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

- + Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;
  - + Các bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật;
  - + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật;
  - + Bản vẽ mặt bằng, khai triển mặt đứng theo các tuyến phố;
  - + Bản vẽ các mặt cắt quan trọng trên các tuyến phố;
  - + Mô hình theo tỷ lệ thích hợp.
  - + Bản thuyết minh đồ án;
  - + Quy định về quản lý kiến trúc cảnh quan của đồ án;
  - Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).
- b) Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc
- c) Phí thẩm định: Theo quy định tại quyết định 06/2005/QĐ-BXD của Bộ XD

**Điều 15. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ Thẩm định nhiệm vụ thiết kế công trình kiến trúc** (đối với những công trình phải tổ chức thi tuyển thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh)

1. Hồ sơ trình duyệt:
  - a) Tờ trình của chủ đầu tư;
  - b) Hồ sơ nhiệm vụ thiết kế;
  - c) Các văn bản pháp lý có liên quan.
2. Thời gian giải quyết hồ sơ tại Sở Xây dựng: 21 ngày làm việc
3. Phí thẩm định: Không thu.

**Điều 16. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ thẩm định thiết kế cơ sở**

1. Thành phần hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản của Sở Kế hoạch & Đầu tư (nếu công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước) gửi hồ sơ thẩm định thiết kế cơ sở; hoặc:
  - b) Tờ trình xin thẩm định thiết kế cơ sở công trình (theo mẫu tại phụ lục số 1 Thông tư số 02/2007/TT.BXD ngày 14/02/2007) đối với những dự án còn lại;
  - c) Thuyết minh dự án;
  - d) Thuyết minh thiết kế cơ sở, bao gồm:
    - Đặc điểm tổng mặt bằng; phương án tuyến công trình đối với công trình xây dựng theo tuyến; phương án kiến trúc đối với công trình có yêu cầu kiến trúc; phương án và sơ đồ công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ;
    - Kết cấu chịu lực chính của công trình; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; hệ thống kỹ thuật và hệ thống hạ tầng kỹ thuật công trình, sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào;

- Mô tả đặc điểm tải trọng và các tác động đối với công trình;
- Danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng;
- Nhiệm vụ thiết kế được duyệt;

e) Các bản vẽ thiết kế cơ sở theo quy định, được thể hiện với các kích thước chủ yếu, bao gồm:

- Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án tuyến công trình đối với công trình xây dựng theo tuyến;
- Bản vẽ thể hiện phương án kiến trúc đối với công trình có yêu cầu kiến trúc;
- Sơ đồ công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ;
- Bản vẽ thể hiện kết cấu chịu lực chính của công trình; bản vẽ hệ thống kỹ thuật và hệ thống hạ tầng kỹ thuật công trình.

f) Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và các báo cáo kết quả khảo sát kèm theo (nếu có);

g) Biên bản nghiệm thu thiết kế cơ sở, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn (của chủ đầu tư);

h) Các văn bản của cấp có thẩm quyền (nếu có) về quy hoạch xây dựng, quyền sử dụng đất, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, an toàn vận hành công trình ngầm và các yêu cầu khác có liên quan;

i) Kết quả thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình đối với trường hợp có thi tuyển;

k) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở theo quy định, bao gồm:

l) Đăng ký kinh doanh của nhà thầu thiết kế, nhà thầu khảo sát xây dựng và danh sách cán bộ thiết kế thuộc đơn vị mình;

m) Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế;

n) Riêng đối với những thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, phải có chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền (bằng văn bản cho phép hoặc được bố trí trong kế hoạch đầu tư hằng năm);

o) Bản sao văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình, đối với các dự án khác còn lại (nếu có).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 15 ngày làm việc đối với nhóm B, 10 ngày làm việc đối với nhóm C.

3. Lệ phí thẩm định: Theo công văn số 5316/BTC-CST ngày 24/4/2006 của Bộ Tài chính về việc phí thẩm định thiết kế cơ sở các công trình xây dựng.

**Điều 17. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán** (Đối với các dự án thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước đã được

UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư theo Nghị định số 52/CP; 12/CP và 07/CP của Chính phủ)

1. Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt:

- a) Tờ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán của chủ đầu tư;
- b) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ đã được duyệt trong dự án;
- c) Dự án đầu tư được thẩm định (có dấu thẩm định của cơ quan thẩm định dự án);
- d) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng (khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn...);
- e) Báo cáo thẩm tra thiết kế (nếu có) kèm theo bảng tính toán thẩm tra (đối với các công trình quy định tại phụ lục số 1);
- f) Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn;
- g) Bản sao chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế;
- h) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức khảo sát xây dựng, thiết kế công trình;
- i) Bản sao Quyết định công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn đối với đơn vị thí nghiệm địa chất;
- k) Văn bản thoả thuận phòng cháy chữa cháy của cấp có thẩm quyền (đối với các công trình quy định tại phụ lục số 2);
- l) Quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của cấp có thẩm quyền (đối với các dự án quy định tại phụ lục số 3);
- m) Các văn bản khác của cấp có thẩm quyền (nếu có);
- n) Biên bản xác nhận của chủ đầu tư đối với giá vật liệu, thiết bị không có trong bảng Thông báo giá liên sở Tài chính – Xây dựng;
- o) Biên bản xác nhận của chủ đầu tư về cự ly, tuyến đường vận chuyển vật liệu san lấp (nếu có);
- p) Báo cáo thẩm định phần công nghệ của chủ đầu tư (đối với công trình có thiết kế công nghệ);
- q) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công bao gồm :
  - Thuyết minh thiết kế.
  - Bảng tính toán kết cấu và hạ tầng kỹ thuật.
  - Bản vẽ thiết kế.
  - Tổng dự toán hoặc dự toán trình duyệt (giá trị tổng dự toán hoặc dự toán không được lớn hơn tổng mức đầu tư được duyệt).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 29 ngày làm việc đối với nhóm B, 19 ngày làm việc đối với nhóm C

3. Lệ phí thẩm định: Theo Thông tư số 109/2000/TT.BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài chính.

**Điều 18. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký văn phòng điều hành cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam**

1. Hồ sơ xin cấp giấy đăng ký hoạt động văn phòng điều hành:

a) Đơn đăng ký hoạt động của Văn phòng điều hành

b) Bản sao giấy phép thầu do các cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

d) Danh sách người nước ngoài và người Việt Nam dự kiến làm việc tại Văn phòng điều hành

e) Bản sao hộ chiếu của người đại diện Văn phòng điều hành.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc

3. Phí thẩm định: Không thu.

**Điều 19. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, Kỹ sư hoạt động xây dựng**

1. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề (theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Quyết định 15/2005/QĐ.BXD), kèm theo 03 ảnh màu cỡ 3 x 4 chụp trong năm xin cấp chứng chỉ;

b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý người xin cấp chứng chỉ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) nơi cư trú đối với người không làm việc trong cơ quan, tổ chức;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề;

d) Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Quyết định 15/2005/QĐ.BXD, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp; Người ký xác nhận chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc

3. Lệ phí cấp chứng chỉ: 200.000đ/hồ sơ (Thực hiện theo Thông tư số 43/2003/TT-BTC ngày 10/5/2003 của liên Bộ Tài chính- Xây dựng).

**Điều 20. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công công trình xây dựng**

1. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình (theo quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế), kèm theo 03 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong năm xin đăng ký;

b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức quản lý người đăng ký cấp chứng chỉ;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng chuyên môn, chứng nhận liên quan đến nội dung đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề;

d) Bản khai kinh nghiệm công tác, thống kê những công trình đã trực tiếp tham gia thiết kế, thi công xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc của các Hội nghề nghiệp theo Phụ lục 3 của Quy chế này.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 30 ngày làm việc

3. Lệ phí cấp chứng chỉ: 200.000đ/hồ sơ (Thực hiện theo Thông tư số 43/2003/TT-BTC ngày 10/5/2003 của liên Bộ Tài chính- Xây dựng).

## **Điều 21. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ thẩm định về cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt nam**

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép thầu đối với tổ chức:

a) Đơn xin cấp giấy phép thầu (theo mẫu Phụ lục 1 Thông tư số 05/2004/TT-BXD);

b) Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp;

c) Bản sao Giấy phép thành lập và Điều lệ Công ty (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức, giấy phép hoạt động tư vấn đối với cá nhân) và chứng chỉ hành nghề của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp;

d) Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và báo cáo kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp nêu tại khoản 2 về điều kiện cấp phép thầu);

e) Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc bản cam kết sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu đã có trong hồ sơ dự thầu hay hồ sơ chào thầu);

f) Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu;

### **\* Một số quy định bắt buộc cần lưu ý:**

- Nhà thầu nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 02 bộ hồ sơ bản sao cho Sở Xây dựng;

- Đơn xin cấp giấy phép thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các giấy tờ, tài liệu khác của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác). Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép thầu phát sinh trong 3 năm liền kề thì hồ sơ chỉ bao gồm các tài liệu nêu tại điểm a, b, c quy định trên.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép thầu đối với cá nhân hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng:

a) Đơn xin cấp giấy phép thầu (theo mẫu tại phụ lục 3);

b) Bản sao văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp;

c) Bản sao Giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề tư vấn do nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân;

d) Lý lịch nghề nghiệp các nhân (tự khai) kèm theo bản sao hợp đồng về các công việc có liên quan đã thực hiện trong 3 năm gần nhất.

**\* Một số quy định bắt buộc cần lưu ý:**

- Nhà thầu nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 02 bộ hồ sơ bản sao cho Sở Xây dựng;

- Đơn xin cấp giấy phép thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các giấy tờ, tài liệu khác của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác). Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.;

- Đối với hồ sơ xin cấp giấy phép thầu phát sinh trong 3 năm liền kề thì hồ sơ chỉ bao gồm các tài liệu nêu tại điểm a, b, c quy định trên.

3. Thời gian giải quyết hồ sơ: 15 ngày làm việc

4. Lệ phí thẩm định: Không thu.

**Điều 22. Quy trình, thủ tục thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với tổ chức**

1. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (theo mẫu quy định của Bộ Xây dựng);

b) Giấy phép Kinh doanh hoặc Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy phép đầu tư (*Giấy phép Kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư, nộp bản sao công chứng*);

c) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất hoặc hợp đồng thuê đất (nộp bản photo chứng thực);

d) Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép xây dựng (nộp bản chính);

e) Bản vẽ thỏa thuận kiến trúc các mẫu nhà do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản chính);

f) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình (bản chính);

g) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được các cơ quan ký biên bản đưa vào khai thác (bản chính);

Trường hợp nhà ở được tạo lập thông qua việc mua bán, tặng cho, đổi, nhận thừa kế, hoặc thông qua các hình thức khác theo qui định của pháp luật thì phải có văn bản về giao dịch đó kèm theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của bên chuyển quyền sở hữu;

h Các giấy tờ, biên lai về nghĩa vụ tài chính (nếu có);

i) Bản vẽ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

2. Quy trình và thời gian thực hiện cấp giấy chứng nhận như sau: 45 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, doanh nghiệp tự nộp nghĩa vụ thuế)

3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

a) Cấp giấy chứng nhận lần đầu 500.000đ/giấy;

b) Cấp giấy chứng nhận khi chuyển quyền sở hữu 50.000đ/giấy;

c) Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp: cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi tên trong giấy chứng nhận: 50.000đ/giấy.

### **Điều 23. Quy trình, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng**

1. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (*theo mẫu của Bộ Xây dựng*);

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Bản photo chứng thực*) kèm theo Sơ đồ vị trí khu đất;

Riêng các công trình XD trong Khu công nghiệp hoặc Xây dựng trên đất thuê phải có thêm Hợp đồng thuê đất (bản photo chứng thực) kèm theo sơ đồ vị trí TL:1/500, 1/2000 hoặc bản vẽ thỏa thuận địa điểm;

c) Giấy phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật-Tổng dự toán công trình (bản chính);

d) Bản vẽ xin phép xây dựng hoặc bản vẽ thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính);

e) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng kèm theo Bản vẽ hoàn công công trình (bản chính);

Riêng trường hợp công trình thông qua việc mua bán, tặng cho, đổi, nhận thừa kế, hoặc thông qua các hình thức khác theo qui định của pháp luật thì phải có Văn bản về giao dịch đó kèm theo giấy chứng nhận QSH công trình xây dựng của bên chuyển quyền sở hữu.

f) Các giấy tờ khác:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (photo công chứng);

- Các biên lai nghĩa vụ tài chính (nếu có)/.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận: 45 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, doanh nghiệp tự nộp nghĩa vụ thuế)

3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận:
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu 500.000đ/giấy;
  - Lệ phí cấp giấy chứng nhận khi chuyển quyền sở hữu 50.000đ/giấy;
  - Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp: cấp lại, cấp đổi, xác nhận thay đổi tên trong giấy chứng nhận : 50.000đ/giấy.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 24. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm**

- Ban hành Quy chế quy định quy trình tiếp nhận, lưu chuyển hồ sơ, xử lý, trình ký, trả kết quả; trách nhiệm của từng bộ phận liên quan trong việc thực hiện cơ chế một cửa; trách nhiệm của cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ;
- Niêm yết công khai các quy định, thủ tục hành chính, giấy tờ, hồ sơ và thời gian giải quyết của từng loại công việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cách chính xác, rõ ràng;
- Bố trí cán bộ, công chức đúng chuyên môn nghiệp vụ vào từng bộ phận theo yêu cầu của công việc;
- Thường xuyên tổ chức tập huấn về nghiệp vụ và cách giao tiếp với tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết công việc;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người biết hoạt động về cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng;
- Bằng các biện pháp thiết thực tổ chức triển khai cơ chế một cửa tại Sở Xây dựng theo quy định này một cách hiệu quả. Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Sở và của Ngành chủ động báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 25. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm**

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quy định tại văn bản này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Sanh**